

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS – F17

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHA TRANG
SEAFOODS
- F17

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN NHA TRANG SEAFOODS -
F17
DN: C=VN, L=KHÁNH HÒA,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NHA
TRANG SEAFOODS - F17,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MS
T:4200567428,
E=NHATRANGSEAFOODS@NHAT
RANGSEAFOODS.VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2022-08-29 09:31:07
Foxit Reader Version: 9.4.1

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 và thay đổi đến lần thứ mười hai ngày 02 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp (trước đó là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại : (0258) 3 831 043

Fax : (0258) 3 831 034

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Thủy sản Seafoods	Số 71 Phan Bội Châu, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, Việt Nam
Quán cà phê 31024	310 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Bà Đào Thị Minh Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Ngô Anh Phương Lan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Văn Ích	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phi Thương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Đình Kháng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Văn Ích - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Ông Ngô Văn Ích
Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2022

Số: 3.0175/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Nha Trang****Phan Thị Ngọc Trâm****Phó Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

Nha Trang, ngày 27 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		880.638.182.456	796.971.103.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	88.779.353.279	231.433.968.864
1. Tiền	111		88.729.353.279	129.383.968.864
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000	102.050.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.200.000.000	36.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	41.200.000.000	36.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		524.947.438.695	360.553.891.373
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	388.697.386.453	282.258.218.537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	84.860.233.114	31.320.485.042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	53.306.739.367	48.892.108.033
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.916.920.239)	(1.916.920.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		177.994.530.643	138.356.736.398
1. Hàng tồn kho	141	V.7	177.994.530.643	138.356.736.398
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.716.859.839	30.426.507.089
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	750.318.546	1.252.143.796
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.598.860.308	28.145.424.210
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.367.680.985	1.028.939.083
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		555.579.774.197	525.984.187.657
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.740.718.503	10.730.852.003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10.740.718.503	10.730.852.003
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		206.660.290.473	172.873.891.238
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	194.073.619.667	160.136.487.382
- Nguyên giá	222		353.441.554.015	325.599.436.031
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(159.367.934.348)	(165.462.948.649)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12.586.670.806	12.737.403.856
- Nguyên giá	228		14.978.937.376	14.978.937.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.392.266.570)	(2.241.533.520)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		155.130.833.172	158.674.978.077
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	155.130.833.172	158.674.978.077
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		147.358.590.241	152.358.590.241
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	28.000.000.000	28.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	117.358.590.241	117.358.590.241
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	2.000.000.000	7.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		35.689.341.808	31.345.876.098
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	35.689.341.808	31.345.876.098
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.436.217.956.653	1.322.955.291.381

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		948.484.859.259	805.731.565.285
I. Nợ ngắn hạn	310		924.484.859.259	781.731.565.285
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	275.653.013.110	139.129.361.424
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	947.476.766	656.297.435
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	-	19.887.401
4. Phải trả người lao động	314	V.15	11.204.110.000	18.243.257.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.671.749.184	5.743.548.940
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	5.650.393.477	5.239.088.467
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a, c	613.231.305.943	598.341.638.839
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	12.126.810.779	14.358.485.779
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.000.000.000	24.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b, c	24.000.000.000	24.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		487.733.097.394	517.223.726.096
I. Vốn chủ sở hữu	410		487.733.097.394	517.223.726.096
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	188.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	17.957.399.540	17.957.399.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	281.775.697.854	300.266.326.556
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		279.732.953.876	300.266.326.556
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.042.743.978	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.436.217.956.653	1.322.955.291.381

Nha Trang, ngày 27 tháng 8 năm 2022


 Nguyễn Dân Tiến
 Người lập


 Nguyễn Dân Tiến
 Kế toán trưởng


 Ngô Văn Ich
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	700.051.047.659	456.641.762.819
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.380.426.235	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		695.670.621.424	456.641.762.819
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	593.061.167.908	398.603.885.460
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102.609.453.516	58.037.877.359
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	18.419.567.239	8.400.637.751
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	21.013.071.951	9.198.907.770
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.405.408.097	3.762.511.691
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	79.850.139.428	37.022.373.670
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.884.736.858	17.320.458.794
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.281.072.518	2.896.774.876
11. Thu nhập khác	31	VI.8	765.578.358	116.011.637
12. Chi phí khác	32	VI.9	3.906.898	607.233.079
13. Lợi nhuận khác	40		761.671.460	(491.221.442)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.042.743.978	2.405.553.434
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	846.312.852
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.042.743.978	1.559.240.582
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Nha Trang, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Nguyễn Dân Tiến
Người lậpNguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởngNgô Văn Ích
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.042.743.978	2.405.553.434
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	14.740.384.156	10.322.200.971
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	9.118.898.876	1.755.668.196
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(2.380.172.258)	(1.220.778.537)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	5.405.408.097	3.762.511.691
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.927.262.849	17.025.155.755
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(182.266.979.484)	(36.348.292.354)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(39.637.794.245)	(107.093.799.838)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		131.135.357.211	84.468.859.466
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	(3.841.640.460)	853.123.226
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.5	(5.330.032.643)	(3.854.186.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(4.088.549.795)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19, V.20	(2.557.278.680)	(2.110.228.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(73.571.105.452)	(51.147.918.003)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(44.514.089.075)	(68.280.912.785)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	613.175.926	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	13.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	20.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	1.786.372.772	1.472.926.824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.114.540.377)	(54.787.985.961)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	708.146.088.082	534.968.912.016
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(704.128.704.338)	(561.978.894.765)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(31.207.769.000)	(19.927.769.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.190.385.256)	(46.937.751.749)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(142.876.031.085)	(152.873.655.713)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	231.433.968.864	187.379.463.840
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		221.415.500	(5.385.308)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	88.779.353.279	34.500.422.819

Nha Trang, ngày 27 tháng 8 năm 2022


Nguyễn Dân Tiến
Người lập


Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, nhà hàng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước (do tăng sản lượng xuất khẩu) nhưng do chi phí vận chuyển tăng mạnh nên lợi nhuận kỳ này không biến động nhiều.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản NT có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 66,53%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Thủy sản Seafoods	Số 71 Phan Bội Châu, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, Việt Nam
Quán cà phê 31024	Số 310 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.151 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.076 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất, công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.779.623.575	1.562.898.667
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86.949.729.704	127.821.070.197
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	50.000.000	102.050.000.000
Cộng	88.779.353.279	231.433.968.864

Toàn bộ tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	41.200.000.000	41.200.000.000	36.200.000.000	36.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	41.200.000.000	41.200.000.000	36.200.000.000	36.200.000.000
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	43.200.000.000	43.200.000.000	43.200.000.000	43.200.000.000

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	28.000.000.000		28.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ⁽ⁱ⁾	28.000.000.000		28.000.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	117.358.590.241		117.358.590.241	
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱⁱ⁾	72.094.580.000		72.094.580.000	
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	22.170.163.291		22.170.163.291	
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ^(iv)	15.858.536.950		15.858.536.950	
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 ^(v)	6.930.000.000		6.930.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(vi)	285.310.000	625.037.300	285.310.000	810.277.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	20.000.000		20.000.000	
Cộng	145.358.590.241		145.358.590.241	

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700527019 điều chỉnh lần thứ 3 ngày 13 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT 66,53% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 841.611 cổ phiếu tương đương 66,53% vốn điều lệ.
- (ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,65% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.
- (iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22.170.163.291 VND, chiếm 5,16% vốn điều lệ thực góp.
- (iv) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 1.394.000 cổ phiếu, tương đương 4,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Green World Nha Trang.
- (v) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 5.440.000 cổ phiếu, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89.
- (v) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty sở hữu là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với công ty con

Công ty chỉ phát sinh các giao dịch với Công ty Cổ phần Thủy sản NT là Công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	1.178.852.182	531.638.155
Doanh thu bán vật tư, thành phẩm nội địa	17.618.182	47.021.367
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.090.909	23.090.909
Công ty nhận hàng ủy thác xuất khẩu	137.990.415.371	88.632.024.594
Mua hàng hóa, thành phẩm nội địa	16.988.475.660	5.965.608.760
Phí vận chuyển quốc tế, hoa hồng môi giới hàng ủy thác xuất khẩu Công ty chi hộ	-	156.570.605

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	62.850.890.325	44.505.186.966
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	28.768.528.318	12.170.829.682
Công ty Cổ phần Thủy Sản NT	23.899.169.577	22.754.497.040
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89	9.800.247.315	9.107.047.483
Công ty Cổ phần Onsen	287.389.455	390.335.864
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa	52.386.750	36.999.715
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	23.890.910	23.836.364
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng Nóng Nha Trang Seafoods F17	17.568.000	5.050.000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	1.710.000	16.590.818
Phải thu các khách hàng khác	325.846.496.128	237.753.031.571
Công ty NTSF Company, Inc	60.955.638.150	62.939.040.400
Công ty LP Foods Pte, Ltd	42.935.782.225	47.567.960.328
Công ty Seafood Connection B.V	53.017.880.080	29.504.567.956
Các khách hàng khác	168.937.195.673	97.741.462.887
Cộng	388.697.386.453	282.258.218.537

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	58.601.347.141	11.566.111.153
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	58.597.387.141	11.562.151.153
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	3.960.000	3.960.000
Trả trước cho các người bán khác	26.258.885.973	19.754.373.889
Công ty TNHH Anh Phát	10.412.168.000	524.350.530
Công ty TNHH Điện lạnh Miền Tây	-	8.797.898.503
Các nhà cung cấp khác	15.846.717.973	10.432.124.856
Cộng	84.860.233.114	31.320.485.042

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	52.204.301.943	-	47.063.320.793	-
Lãi tiền gửi dự thu	547.674.383	-	432.473.423	-
Thuế TNCN còn phải thu	-	-	600.911.804	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	554.763.041	-	795.402.013	-
Cộng	53.306.739.367	-	48.892.108.033	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	10.740.718.503	-	10.730.852.003	-
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
- Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong ⁽ⁱⁱ⁾	150.000.000	-	150.000.000	-
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	90.718.503	-	80.852.003	-
Cộng	10.740.718.503	-	10.730.852.003	-

(i) Ký quỹ thực hiện dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood - F17 tại số 777 đường Lê Hồng Phong, phường Phước Long, thành phố Nha Trang.

(ii) Ký quỹ thực hiện dự án “Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao”.

(iii) Ký quỹ về phí cải tạo phục hồi môi trường, dự án Mỏ nước khoáng Hòn Thơm tại xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Aquatila - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Trả trước cho người bán	Trên 3 năm	127.403.230	-	Trên 3 năm	127.403.230	-
Cộng		1.916.920.239	-		1.916.920.239	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.916.920.239	1.916.920.239
Số cuối kỳ	1.916.920.239	1.916.920.239

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.945.197.406	-	13.325.875.731	-
Công cụ, dụng cụ	1.299.030.737	-	165.785.702	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.955.926.106	-	-	-
Thành phẩm	151.572.216.252	-	124.693.111.899	-
Hàng hóa	222.160.142	-	171.963.066	-
Cộng	177.994.530.643	-	138.356.736.398	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	434.088.792	588.171.615
Công cụ, dụng cụ	103.209.751	575.710.509
Chi phí sửa chữa	213.020.003	88.261.672
Cộng	750.318.546	1.252.143.796

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	17.751.401.852	17.876.953.015
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.195.104.014	7.674.668.142
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	11.307.835.942	5.098.557.949
Chi phí đền bù	435.000.000	450.000.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	245.696.992
Cộng	35.689.341.808	31.345.876.098

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	115.184.751.767	174.001.571.660	35.563.370.513	849.742.091	325.599.436.031
Mua trong kỳ	1.319.093.481	6.126.606.276	1.037.941.852	-	8.483.641.609
Đầu tư xây dựng hoàn thành	39.825.719.182	352.000.000	-	-	40.177.719.182
Thanh lý, nhượng bán	(858.489.594)	(19.960.753.213)	-	-	(20.819.242.807)
Số cuối kỳ	155.471.074.836	160.519.424.723	36.601.312.365	849.742.091	353.441.554.015
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3.604.606.396	28.605.770.400	9.076.484.829	435.378.355	41.722.239.980
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	35.156.352.075	109.455.511.891	20.286.194.431	564.890.252	165.462.948.649
Khấu hao trong kỳ	6.282.406.614	6.884.714.040	1.379.390.777	43.139.675	14.589.651.106
Thanh lý, nhượng bán	(853.304.662)	(19.831.360.745)	-	-	(20.684.665.407)
Số cuối kỳ	40.585.454.027	96.508.865.186	21.665.585.208	608.029.927	159.367.934.348

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	80.028.399.692	64.546.059.769	15.277.176.082	284.851.839	160.136.487.382
Số cuối kỳ	114.885.620.809	64.010.559.537	14.935.727.157	241.712.164	194.073.619.667
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 58.154.150.031 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.18a).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.606.937.376	372.000.000	14.978.937.376
Số cuối kỳ	14.606.937.376	372.000.000	14.978.937.376
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	182.000.000	182.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.954.033.520	287.500.000	2.241.533.520
Khấu hao trong kỳ	131.733.050	19.000.000	150.733.050
Số cuối kỳ	2.085.766.570	306.500.000	2.392.266.570
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.652.903.856	84.500.000	12.737.403.856
Số cuối kỳ	12.521.170.806	65.500.000	12.586.670.806
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18a).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	8.483.641.609	(8.483.641.609)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	158.540.372.200	16.230.817.489	(40.177.719.182)	(8.302.560.340)	126.290.910.167
- Dự án Trung tâm thương mại – Du lịch Nha Trang Seafood – F17	109.676.516.167	12.744.993.730	-	-	122.421.509.897

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Các công trình vùng nuôi	45.694.400.414	3.479.250.267	(40.177.719.182)	(8.302.560.340)	693.371.159
- Các công trình khác	3.169.455.619	6.573.492	-	-	3.176.029.111
Sửa chữa lớn tài sản cố định	134.605.877	28.705.317.128	-	-	28.839.923.005
Cộng	158.674.978.077	53.419.776.226	(48.661.360.791)	(8.302.560.340)	155.130.833.172

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ này là 589.610.959 VND (kỳ trước không có chi phí lãi vay được vốn hóa).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	239.727.880.000	112.009.967.672
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	111.067.596.515	68.348.850.062
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	65.491.299.469	14.923.072.914
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	63.164.612.016	28.738.044.696
Công ty Cổ phần Onsen	4.372.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	35.925.133.110	27.119.393.752
Các nhà cung cấp khác	35.925.133.110	27.119.393.752
Cộng	275.653.013.110	139.129.361.424

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Ally Sphere Food	409.168.075	-
Công ty Qingdao New Ocean Line Co., Ltd.	447.294.840	-
Các khách hàng khác	91.013.851	656.297.435
Cộng	947.476.766	656.297.435

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	562.233.573	(562.233.573)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.028.939.083	-	-	-	1.028.939.083
Thuế thu nhập cá nhân	19.887.401	-	1.769.890.442	(2.128.519.745)	-	338.741.902
Thuế tài nguyên	-	-	44.256.000	(44.256.000)	-	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	67.566.575	(67.566.575)	-	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	81.304.000	(81.304.000)	-	-
Cộng	19.887.401	1.028.939.083	2.525.250.590	(2.883.879.893)	-	1.367.680.985

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Từ tháng 2/2022, thuế suất thuế giá trị gia tăng của các mặt hàng/dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Riêng thu nhập từ hoạt động chế biến trong lĩnh vực thủy sản, Công ty áp dụng thuế suất 15% theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2016 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.042.743.978	2.405.553.434
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	652.451.055	1.025.921.367
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.858.284.808)	(1.794.312.257)
Thu nhập chịu thuế	(2.163.089.775)	1.637.162.544
Thu nhập được miễn thuế	(24.680.000)	-
Thu nhập tính thuế	-	1.637.162.544
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	-	327.432.509
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	-	(69.669.452)
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước</i>	-	588.549.795
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	846.312.852

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 VND/m³ với mức thuế suất 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà máy F17	4.944.628.000	7.890.652.000
Nhà máy F90	3.999.785.000	6.462.134.000
Văn phòng Công ty	1.657.057.000	3.276.608.000
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	177.751.000	46.749.000
Vùng nuôi	424.889.000	567.114.000
Cộng	11.204.110.000	18.243.257.000

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	96.657.534	-
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang - Chi phí lãi vay phải trả	96.657.534	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.575.091.650	5.743.548.940
Chi phí hoa hồng môi giới phải trả	3.290.196.764	2.796.102.957
Chi phí lãi vay phải trả	728.306.095	652.930.641
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.556.588.791	2.294.515.342
Cộng	5.671.749.184	5.743.548.940

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	4.098.004.776	3.943.120.536
Bảo hiểm xã hội	147.904.939	19.279.485
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360.283.475	360.283.475
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.044.200.287	916.404.971
Cộng	5.650.393.477	5.239.088.467

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	240.568.492.948	173.572.737.340
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	268.045.654.937	311.205.853.950
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100.703.232.000	96.060.875.625
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Nha Trang ^(iv)	3.913.926.058	17.502.171.924
Cộng	613.231.305.943	598.341.638.839

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ sổ dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn tối đa là 06 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu-Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iii) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	598.341.638.839
Số tiền vay phát sinh	708.146.088.082
Số tiền vay đã trả	(704.128.704.338)
Đánh giá lại số dư cuối kỳ	10.872.283.360
Số cuối kỳ	613.231.305.943

18b. Vay dài hạn

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Green World Nha Trang (là bên liên quan) để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood - F17 với lãi suất 4,9%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn là 5 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	24.000.000.000
Số cuối kỳ	24.000.000.000

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	8.419.082.908	(1.516.069.000)	6.903.013.908
Quỹ phúc lợi	5.939.402.871	(715.606.000)	5.223.796.871
Cộng	14.358.485.779	(2.231.675.000)	12.126.810.779

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	199.000.000.000	17.957.399.540	238.224.679.327	455.182.078.867
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	(19.927.769.000)	(19.927.769.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	1.559.240.582	1.559.240.582
Số dư cuối kỳ trước	199.000.000.000	17.957.399.540	219.856.150.909	436.813.550.449
Số dư đầu năm nay	199.000.000.000	17.957.399.540	300.266.326.556	517.223.726.096
Giảm vốn điều lệ do hoán đổi cổ phiếu thưởng đã chia năm 2018	(11.000.000.000)	-	11.000.000.000	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	-	-	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	(20.207.769.000)	(20.207.769.000)
Thù lao HĐQT năm 2019	-	-	(325.603.680)	(325.603.680)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	2.042.743.978	2.042.743.978
Số dư cuối kỳ này	188.000.000.000	17.957.399.540	281.775.697.854	487.733.097.394

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 201/NQ-DHDCD ngày 23 tháng 4 năm 2022 đã thông qua Nghị quyết về việc hoán đổi giữa số cổ phiếu thưởng đã chia năm 2018 bằng chi cổ tức cho số cổ phiếu này bằng tiền mặt trong năm 2022 và giảm vốn điều lệ. Cổ phiếu thưởng đã chia trong năm 2018 tương ứng 11.000.000.000 VND.

Thực hiện Nghị quyết nêu trên, Công ty đã giảm vốn điều lệ 11.000.000.000 VND. Ngày 02 tháng 6 năm 2022 Công ty đã được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 12 về việc giảm vốn điều lệ xuống còn 188.000.000.000 VND.

Chi tiết vốn điều lệ theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Ngô Văn Ích	61.078.590.000	64.484.680.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt	37.209.940.000	39.442.530.000
Bà Đào Thị Minh Hương	18.800.000.000	19.928.000.000
Các cổ đông khác	70.911.470.000	75.144.790.000
Cộng	188.000.000.000	199.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.800.000	19.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	18.800.000	19.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.800.000	19.900.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Như trình bày tại thuyết minh số V.20a, Công ty đã hoán đổi giữa số cổ phiếu thưởng đã chia năm 2018 bằng chi cổ tức cho số cổ phiếu này bằng tiền mặt trong năm 2022 và giảm vốn điều lệ. Cổ phiếu thưởng đã chia trong năm 2018 tương ứng 11.000.000.000 VND. Công ty đã chi số cổ tức này cho cổ đông.

Ngoài ra, trong kỳ Công ty còn chi cổ tức từ lợi nhuận các năm trước cho các cổ đông với số tiền 20.207.769.000 VND theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc chi trả cổ tức và Nghị quyết số 174/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 4 năm 2022. Số cổ tức đã chi này nằm trong tổng mức chi trả cổ tức dự kiến trong năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 201/ĐHDCĐ-F17 ngày 23 tháng 4 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ*****Ngoại tệ các loại***

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chi có 3.224.831,31 USD (số đầu năm là 4.242.607,41 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	198.822.813	213.443.375
Doanh thu bán thành phẩm	689.285.027.424	447.816.911.537
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.567.197.422	8.611.407.907
Cộng	700.051.047.659	456.641.762.819

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là Công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89</i>		
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	1.360.828.559	968.422.271
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.272.727	89.090.909
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	29.209.091	28.745.455
Doanh thu bán thành phẩm ủy thác	3.572.726.850	11.042.831.876
Doanh thu cho thuê nhân công	-	989.475.000
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	-	27.121.685
<i>Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	40.677.003	35.462.181
<i>Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	16.690.909	16.690.909
<i>Công ty Cổ phần Onsen</i>		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	10.909.092	13.636.363
Doanh thu cho thuê nhân công	-	89.820.000
Doanh thu dịch vụ khác	4.854.327	4.039.999
<i>Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa</i>		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	5.454.546	19.090.909

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF			
Doanh thu bán vật tư	-	21.560.640	
Doanh thu bán thành phẩm	72.927.272	88.836.363	
Doanh thu thành phẩm ủy thác xuất khẩu	12.773.291.600	1.280.854.978	
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	1.551.604.084	983.745.614	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.181.818	12.727.272	
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang			
Doanh thu bán thành phẩm	1.710.000	-	
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa			
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	123.789.723	234.480.818	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	237.897.251	-	
Hàng bán bị trả lại	4.142.528.984	-	
Cộng	4.380.426.235	-	
3. Giá vốn hàng bán			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	186.714.350	173.947.704	
Giá vốn của thành phẩm đã bán	589.216.327.680	394.957.810.415	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.658.125.878	3.472.127.341	
Cộng	593.061.167.908	398.603.885.460	
4. Doanh thu hoạt động tài chính			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.876.893.732	1.220.778.537	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.680.000	-	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.516.493.507	7.179.859.214	
Chiết khấu thanh toán	1.500.000	-	
Cộng	18.419.567.239	8.400.637.751	
5. Chi phí tài chính			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.405.408.097	3.762.511.691	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.488.764.978	3.680.727.883	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	9.118.898.876	1.755.668.196	
Cộng	21.013.071.951	9.198.907.770	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.645.446.282	3.776.846.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	464.838.557	473.513.605
Chi phí điện, điện thoại	3.086.296.162	3.197.368.721
Chi phí vận chuyển quốc tế	45.740.456.423	14.073.198.547
Chi phí vận chuyển nội địa	5.501.138.847	3.233.752.004
Chi phí hoa hồng môi giới	4.025.311.317	2.509.193.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.802.139.485	5.431.029.250
Các chi phí khác	4.584.512.355	4.327.471.236
Cộng	79.850.139.428	37.022.373.670

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.060.767.339	7.393.576.530
Chi phí vật liệu quản lý	37.609.961	224.523.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.436.955.198	1.609.930.603
Thuế, phí và lệ phí	431.019.168	410.488.653
Chi phí tư vấn pháp lý	3.893.017.800	1.761.657.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	643.965.549	59.290.752
Các chi phí khác	5.381.401.843	5.860.991.186
Cộng	18.884.736.858	17.320.458.794

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	478.598.526	-
Thu nhập từ bán phế liệu vật tư	160.739.132	89.991.636
Các khoản thu nhập khác	126.240.700	26.020.001
Cộng	765.578.358	116.011.637

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu, lãi chậm nộp thuế	1.419.875	488.684.151
Các khoản chi phí khác	2.487.023	118.548.928
Cộng	3.906.898	607.233.079

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	415.459.011.581	356.144.171.551
Chi phí nhân công	96.840.607.566	71.780.458.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.740.384.156	10.322.200.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.049.871.078	36.725.699.299
Chi phí khác	21.742.652.064	21.976.708.361
Cộng	635.832.526.445	496.949.238.397

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Ngô Văn Ích - Giám đốc	278.685.000	396.391.000
Ông Huỳnh Long Quân – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	307.063.000	351.295.000
Bà Ngô Anh Phương Lan - Ủy viên HĐQT	143.913.000	135.255.000
Ông Nguyễn Phi Thương - Thành viên ban kiểm soát	174.139.000	216.786.000
Ông Trần Đình Kháng - Thành viên ban kiểm soát	167.251.000	204.956.000
Cộng	1.071.051.000	1.304.683.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Công ty con, Công ty sở hữu 66,53% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Onsen	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Yến sào Khánh Hòa Nha Trang	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89</i>		
Mua thành phẩm nội địa	54.408.850.870	33.283.789.040
Công ty nhận hàng ủy thác xuất khẩu	152.348.376.002	161.451.147.636
Phí ủy thác xuất khẩu, vận chuyển quốc tế	-	422.476.989
Phí hoa hồng môi giới hàng ủy thác xuất khẩu	21.857.151	88.713.044
<i>Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17</i>		
Chi phí mua sản phẩm và sử dụng dịch vụ	168.424.803	347.336.275
Công ty mua tài sản cố định	-	170.000.000
Công ty mua vật tư	-	284.756.975
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF</i>		
Mua hàng hóa, thành phẩm nội địa	13.646.415.280	17.298.735.735
Công ty nhận hàng ủy thác xuất khẩu	184.321.222.994	163.884.592.365
Phí vận chuyển quốc tế, hoa hồng môi giới hàng ủy thác xuất khẩu Công ty chi hộ	-	4.975.851.858
Phí ủy thác xuất khẩu	128.061.728	7.677.378
<i>Công ty Cổ phần Onsen</i>		
Công ty mua hàng hóa	254.734.439	181.407.498

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa		
Công ty mua hàng hóa	2.345.455	19.027.273
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang		
Chi phí sử dụng dịch vụ	-	6.163.641
Lãi vay phải trả	589.610.959	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.12, V.16 và V.18b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nha Trang, ngày 27 tháng 8 năm 2022


Nguyễn Dân Tiến
Người lập


Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng


Ngô Văn Ich
Giám đốc

